

Thứ ba, ngày 6 tháng 10 năm 2020

Vietnam Daily Review

Duy trì sự tích cực

Dự đoán xu hướng thị trường	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 7/10/2020		•	
Tuần 5/10-9/10/2020		•	
Tháng 10/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường phiên hôm nay tiếp tục duy trì sự tích cực khi VNIndex ở trong sắc xanh trong hầu hết thời gian giao dịch. Dòng tiền đầu tư suy giảm khi chỉ còn 11/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại tiếp tục bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thanh khoản thị trường tăng so với phiên trước, đồng thời độ rộng thị trường ở trạng thái tương đối cân bằng cho thấy động lực mua hiện tại chưa đủ mạnh để có thể kéo chỉ số vượt lên cao hơn. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex vẫn có tiềm năng hướng về quanh 920 điểm nhưng áp lực chốt lời ngắn hạn sẽ khiến quá trình đó diễn ra từ từ với những phiên tăng nhẹ.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2010, các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 855 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 6/10/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:
Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Chiến tranh thương mại_2.0%

Phân tích kỹ thuật: MSN_Bứt phá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index +0.99 điểm, đóng cửa 915.67. HNX-Index +0.58 điểm, đóng cửa 137.77.
- Kéo chỉ số tăng: HPG (+0.88); MSN (+0.69); VCB (+0.43); SAB (+0.33); STB (+0.27).
- Kéo chỉ số giảm: VIC (-1.43); CTG (-0.32); LGC (-0.22); TCB (-0.15); VNM (-0.15).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 7,305 tỷ đồng, +13.19% so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 6.16 điểm. Thị trường có 212 mã tăng, 91 mã tham chiếu và 174 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -97.54 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VNM (-105.5 tỷ), CTG (-37.4 tỷ) và VIC (-30.4 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -2.79 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **915.67**
Giá trị: 7305.5 tỷ 0.99 (0.11%)
Khối ngoại (ròng): -97.54 tỷ

HNX-INDEX **137.77**
Giá trị: 737.04 tỷ 0.58 (0.42%)
Khối ngoại (ròng): -2.79 tỷ

UPCOM-INDEX **63.91**
Giá trị: 0.63 tỷ 1.1 (1.75%)
Khối ngoại (ròng): -12.73 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	39.4	0.43%
Giá vàng	1,908	-0.29%
Tỷ giá USD/VND	23,206	0.07%
Tỷ giá EUR/VND	27,366	0.54%
Tỷ giá JPY/VND	21,984	0.24%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	33.33%
LS TPCP 5 năm	1.2%	1.68%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	96.4	VNM	-105.5
DXG	16.7	CTG	-37.4
MBB	13.4	VIC	-30.4
FUEFVNI	12.3	BID	-24.8
VCB	9.7	E1FVN30	-22.9
Nguồn: BSC Research			

Mục lục	
Tổng quan thị trường	Trang 1
i-Invest	Trang 2
Tin hiệu hàng hóa	Trang 3
Tin hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Chiến tranh thương mại_2.0%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	18/26 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Chiến tranh thương mại	2.0%	4.4%	4.2%	4.2%	28.0%	10.8%	31.3%
Ngân Hàng	1.8%	3.4%	4.8%	4.8%	26.7%	15.7%	34.1%
Bất động sản & Khu công nghiệp	1.1%	3.5%	3.3%	3.3%	19.1%	5.4%	25.5%
EVFTA	1.0%	2.6%	2.8%	2.8%	3.8%	3.8%	17.8%
Lãi suất giảm	0.9%	2.5%	3.0%	3.0%	27.0%	23.1%	32.8%
Vật liệu Xây dựng	0.8%	3.0%	4.8%	4.8%	25.7%	22.8%	29.0%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.8%	1.8%	1.3%	1.3%	20.5%	23.2%	21.8%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.7%	2.0%	2.2%	2.2%	19.5%	6.1%	27.9%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.7%	2.2%	2.0%	2.0%	17.8%	3.3%	28.6%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.7%	1.7%	1.9%	1.9%	17.8%	-5.5%	32.9%
Hàng tiêu dùng	0.6%	1.1%	0.9%	0.9%	19.3%	9.5%	29.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.4%	1.6%	1.8%	1.8%	15.9%	3.1%	32.0%
Bất động sản Khu công nghiệp	0.3%	3.6%	2.9%	2.9%	23.9%	24.8%	30.2%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.3%	0.7%	1.3%	1.3%	10.7%	-4.2%	25.5%
VN FinSelect	0.3%	1.6%	2.2%	2.2%	15.7%	3.2%	30.4%
Cổ phiếu ngành Dược	0.3%	-0.1%	0.0%	0.0%	14.2%	4.6%	21.9%
Xây dựng	0.2%	3.2%	4.9%	4.9%	28.6%	18.9%	31.2%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.1%	2.0%	2.6%	2.6%	20.8%	2.2%	30.5%
FTSE Việt Nam	0.0%	0.1%	0.6%	0.6%	9.9%	-1.9%	25.6%
Dầu khí	0.0%	2.8%	3.6%	3.6%	16.5%	-10.9%	39.8%
VN Diamond	0.0%	1.4%	1.9%	1.9%	17.3%	-3.5%	31.6%
Stay-at-home	0.0%	0.0%	-0.7%	-0.7%	20.2%	25.7%	34.1%
Đầu tư công	-0.2%	2.5%	4.0%	4.0%	29.9%	22.5%	26.8%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.3%	1.7%	4.9%	4.9%	23.4%	15.8%	30.9%
Nước & Năng lượng	-0.3%	1.1%	1.9%	1.9%	18.2%	6.4%	26.5%
Corona Avengers	-0.5%	1.7%	3.6%	3.6%	21.0%	16.6%	35.5%

Mục tiêu	6/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L32	0.8%	2.2%	3.2%	3.2%	18.3%	-4.5%	31.5%
S11	0.5%	1.6%	1.7%	1.7%	19.5%	18.6%	26.5%
M22	0.4%	1.0%	1.3%	1.3%	15.3%	9.2%	26.5%
L11	0.3%	0.8%	0.9%	0.9%	16.5%	3.4%	25.2%
S21	0.2%	2.1%	2.3%	2.3%	23.9%	7.0%	28.5%
S32	0.2%	2.2%	3.4%	3.4%	20.6%	-2.3%	34.5%
M12	0.1%	0.8%	1.0%	1.0%	13.1%	0.8%	26.2%
L22	0.1%	1.1%	1.0%	1.0%	20.7%	2.4%	28.6%
M31	-0.1%	1.1%	1.5%	1.5%	20.5%	4.6%	31.3%

Khẩu vị Rủi ro	1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
LOW1	1.1%	2.0%	1.8%	1.8%	13.5%	1.9%	26.4%
HIGH3	0.0%	0.8%	1.3%	1.3%	17.1%	1.6%	29.2%
MID1	-0.3%	1.0%	1.1%	1.1%	21.4%	17.2%	26.3%

INDEX							
VNINDEX	0.1%	0.6%	1.2%	1.2%	11.0%	-4.7%	25.0%
VN30INDEX	0.4%	1.1%	1.5%	1.5%	13.1%	-0.9%	26.3%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	26	18	8	23	3	22	4
Mục tiêu	9	6	3	9	0	6	3
Rủi ro	3	1	2	3	0	2	1

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 06/10

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	39.24	0.05%	-0.10%	-5.90%	-22.17%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	41.34	0.12%	-0.50%	-4.30%	-26.51%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	120.10	0.58%	2.60%	1.80%	-16.61%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1910.33	-0.17%	0.60%	-1.20%	28.21%		PNJ
Bạc	USD/ounce	24.26	-0.47%	0.30%	-9.80%	38.24%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1026.75	0.51%	3.40%	6.30%	6.68%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	580.25	-0.68%	5.60%	4.90%	9.84%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.68	0.24%	7.30%	9.10%	19.12%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	179.55	1.54%	1.70%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	13.61	0.00%	1.40%	6.80%	0.07%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	107.20	-1.61%	-2.10%	-18.40%	-4.11%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6528.50	-0.37%	-0.70%	-0.50%	14.09%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	523.19	1.31%	0.90%	-4.80%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1776.00	0.45%	0.10%	-0.20%	1.72%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	116.62	3.17%	3.90%	-5.40%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	58.10	0.96%	-1.50%	13.60%	-24.94%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 12 tăng 2.2 USD (5.1%) lên 41.29 USD/thùng. Dầu thô WTI tăng 2.17 USD (5.9%) lên 39.22 USD/thùng.
- Nhiều người cảm thấy việc bán tháo dầu trong tuần vừa qua đã nhiều quá mức. Thị trường dầu đang "lên xuống" theo thông tin về sức khỏe của ông Trump. Phiên liền trước (2/10), giá dầu giảm 4% do tin ông Trump xét nghiệm có kết quả dương tính với Covid-19 và lo ngại rằng "làn sóng lây nhiễm Covid-10" đã lan tới Nhà Trắng. Còn phiên này, giá tăng chủ yếu cũng bởi thông tin tích cực về sức khỏe của ông.
- Ngoài ra, một số thông tin khác cũng đang góp phần đẩy giá đi lên, đó là: Hy vọng về gói kích thích kinh tế mới của Mỹ để chống lại đại dịch Covid-19, công nhân ngành dầu khí Naury mở rộng đình công đòi tăng lương, khiến cho 6 mỏ dầu khí ngoài khơi nước này phải đóng cửa, các công ty năng lượng ngoài khơi của Mỹ bắt đầu sơ tán các giàn khoan khi có thông tin cơn bão số 25 đang hình thành và mạnh lên ở Caribe và dự báo sẽ di chuyển vào Vịnh Mexico trong tuần này.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.7% lên 1,912.80 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn New York tăng 0.7% lên 1,920.10 USD/ounce. Sự lạc quan của thị trường về gói kích thích tài chính đã tăng lên sau khi Chủ tịch Hạ viện Mỹ Nancy Pelosi cuối tuần qua phát biểu rằng cuộc đàm phán về gói kích thích đang có tiến triển tốt.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su giao tháng 3/2021 trên sàn giao dịch Osaka đóng cửa tăng 3.1 JPY (1.7%) lên 187 JPY (1.8 USD)/kg. Giá cao su trên thị trường Nhật Bản tăng lên mức cao nhất trong vòng gần 1 tuần do tác động tích cực từ thị trường dầu mỏ và chứng khoán, sau tin ông Trump có thể xuất viện trong ngày 5/10.

Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12 giảm 1.75 US cent (1.6%) trong phiên vừa qua, xuống 1.072 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 11 giảm 22 USD (1.7%) xuống 1,268 USD/tấn. Thị trường arabica đang chịu áp lực giảm khi Brazil đẩy mạnh bán ra sau khi kết thúc vụ mùa bội thu. Trong khi đó, các nhà đầu cơ giảm vị thế mua ròng trong tuần cuối tháng 9, xuống còn 25,645 hợp đồng.
- Đường thô kỳ hạn tháng 3/2021 tăng 0.06 US cent (0.4%) lên 13.61 US cent/lb, sau khi đã tăng 4% trong tuần trước – tuần tăng thứ 3 liên tiếp. Đường trắng kỳ hạn tháng 12 giảm 0.5 USD (0.1%) xuống 373.2 USD/tấn. Niên vụ 2019/20 đã kết thúc và chắc chắn Brazil không dư thừa nhiều, cho thấy nguồn cung ở vụ 2020/21 cũng không thừa với khối lượng lớn như những dự đoán trước. Trong khi đó, thời tiết ở Nga và Thái Lan cũng không thuận lợi cho các cây nguyên liệu đường, còn Chính phủ Ấn Độ thì đã hoãn chính sách trợ cấp xuất khẩu.

	6/10	% 6/10	5/10	% 5/10	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	915.67	0.11%	914.68	0.52%	1.29%	1.57%
S&P 500			3408.63	1.80%	1.70%	-4.81%
HĐTL S&P500	3384.75	-0.24%	3393.00	1.61%	1.53%	-1.93%
Shang- hai	3218.05	-0.20%	3224.36	0.21%	-1.88%	-5.23%
Euro Stoxx	3208.43	-0.37%	3220.22	0.92%	-0.18%	-1.60%

Phân tích kỹ thuật

MSN_Bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: MSN đang ở trong trạng thái tiếp tục tăng giá sau khi đã có giai đoạn đi ngang tích lũy tại khu vực 54-56 vào tháng 9. Hôm nay, thanh khoản tăng cao đã đẩy giá cổ phiếu tăng khá ấn tượng 3.57%. Các chỉ báo xu hướng hiện đều ủng hộ cho trạng thái tích cực của MSN. Mặt khác, chỉ báo RSI đang tăng dần và chưa đi vào vùng quá mua nên cổ phiếu có thể sẽ duy trì đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của MSN nằm tại xung quanh giá 56.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 64, cắt lỗ nếu ngưỡng 54.5 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Luận điểm đầu tư

- Triển vọng 2H20: động lực tăng trưởng chính của MSN (1) Tăng trưởng của The Crown X trên 2 chữ số nhờ vào cải tiến sản phẩm thực phẩm tiện lợi, cao cấp hóa sản phẩm và thay đổi danh mục phù hợp với người tiêu dùng
- (2) MML sẽ tăng số điểm bán thịt thông qua chuỗi siêu thị VM và VM+ , phục hồi TANC heo khi tổng đàn lợn tăng lên trong 2H2020;
- (3) Giá nguyên liệu khoáng sản sẽ phục hồi trong 2H20 trong giai đoạn kinh tế mở cửa lại và tăng giá trị sản phẩm vonfram từ M&A H.C.S.

Cập nhật KQKD

Lũy kế 6M2020, DTT và LNST của MSN đạt lần lượt là 35,404 tỷ đồng (+103.3% YoY) và -161.9 tỷ đồng (-107.4% YoY) qua đó hoàn thành được 47% kế hoạch DT và chưa hoàn thành được kế hoạch LNST là 1,000 tỷ trong kịch bản thấp 2020.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: **Express MSN 2020Q3**

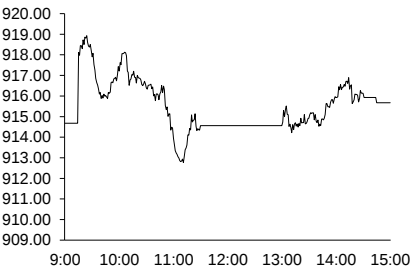
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.73%
Xây dựng và Vật liệu	-0.51%
Hóa chất	-0.38%
Bất động sản	-0.36%
Du lịch và Giải trí	-0.31%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.11%
Truyền thông	-0.10%
Dầu khí	-0.02%
Công nghệ Thông tin	0.08%
Dịch vụ tài chính	0.20%
Ngân hàng	0.20%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.45%
Thực phẩm và đồ uống	0.50%
Y tế	0.67%
Bảo hiểm	0.93%
Bán lẻ	1.06%
Viễn thông	1.51%
Ô tô và phụ tùng	2.11%
Tài nguyên Cơ bản	2.75%

Hình 1

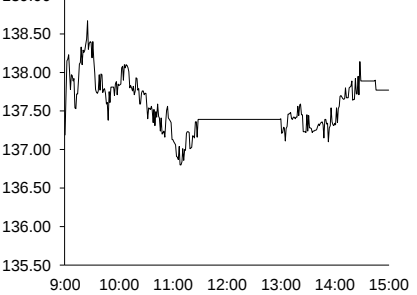
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
10/5/2020	DXG	10.95	12	10	11.4	1	4.11%	Có thể tiếp tục mua
10/2/2020	TLG	36.15	40	35	36.9	4	2.07%	Có thể tiếp tục mua
10/1/2020	SBT	15.8	18	14	16	5	1.27%	Có thể tiếp tục mua
9/29/2020	VNM	109.2	120.5	98.5	107	7	-2.01%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/28/2020	CEO	7.4	8.5	7	7.6	8	2.70%	Có thể tiếp tục mua
9/25/2020	FCN	11.35	13	10	11.7	11	3.08%	Có thể tiếp tục mua
9/24/2020	SIP	81.1	95	76	80.9	12	-0.25%	Có thể tiếp tục mua
9/22/2020	PVD	11.45	13.5	10.5	12.25	14	6.99%	Có thể tiếp tục mua
9/21/2020	KBC	13.85	15.5	13	15	15	8.30%	Có thể tiếp tục mua
9/18/2020	LAS	6.1	7	5.5	6.2	18	1.64%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/17/2020	PTB	53.3	60	48	57	19	6.94%	Có thể tiếp tục mua
9/14/2020	TCT	27.95	35	25	29.1	22	4.11%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/11/2020	HDG	24.1	28	21	25.75	25	6.85%	Có thể tiếp tục mua
9/10/2020	GMD	23.8	26.7	20.5	24.7	26	3.78%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/8/2020	ANV	18.9	21	17.5	20.45	28	8.20%	Có thể tiếp tục mua
9/3/2020	TNG	12.6	15	12	13.6	33	7.94%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/31/2020	VJC	103	112	100	104.5	36	1.46%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/28/2020	VPB	23.6	25	22.2	24.15	39	2.33%	Có thể tiếp tục mua
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	26.6	40	4.72%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	43.9	57	-1.13%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
8/6/2020	LCG	7.39	9.99	6.61	10.2	61	38.02%	Cần nhắc không mua thêm (**)
8/3/2020	CTD	67.45	81.79	63.51	64.5	64	-4.37%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	14.45	97	12.89%	Có thể tiếp tục mua
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	35	104	14.04%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	76.1	112	1.60%	Cần nhắc đóng vị thế (*)

Chú thích:
 (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt
 (**) Tiệm cận giá mục tiêu

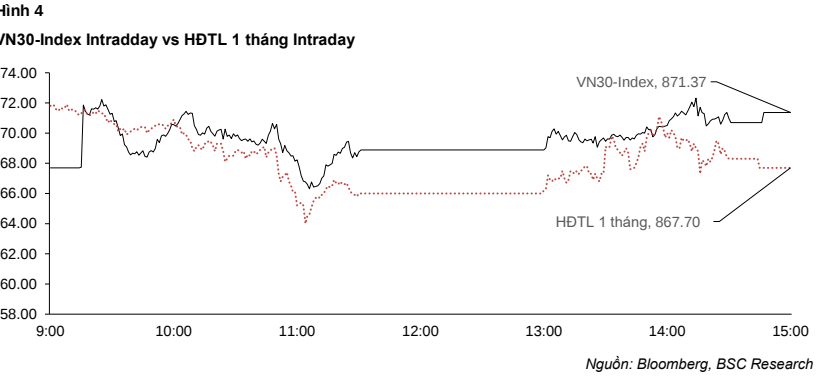
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
9/23/2020	VCB	85.4	94	82.5	SL	9	-3.40%
9/16/2020	PVS	12.9	14.5	12	TP	20	12.40%
9/15/2020	STB	11.6	13	11	TP	8	12.07%
9/9/2020	CVT	18.65	20.8	17.5	TP	23	11.53%
9/7/2020	TIG	6.7	7.4	6.3	TP	14	10.45%
9/4/2020	VCS	67	76	60	TP	27	13.43%
9/1/2020	VGT	8.1	9	7.5	TP	7	11.11%

Chú thích:
 Thống kê 7 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	21	4	6.81%	-1.94%	5.41%	34
Cổ phiếu đã chốt	38	22	11.80%	-9.24%	4.09%	24

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2010	867.70	-0.13%	-3.67	33.6%	120,138	10/15/2020	11
VN30F2011	866.00	0.03%	-5.37	100.2%	861	11/19/2020	46
VN30F2012	862.00	0.09%	-9.37	530.2%	271	12/17/2020	74
VN30F2103	861.90	0.28%	-9.47	134.2%	89	3/18/2021	165

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 3.67 điểm, lên mức 871.37 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, STB, MSN, MWG, MBB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co dưới 870 điểm, trước khi tăng tích cực cuối phiên chiều. Thanh khoản tăng, VN30 có thể vận động tăng lên 890 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Ngoại trừ VN30F2010, các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2012, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2011, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 855 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2017	2/18/2021	135	4:1	624,260	38.29%	1,000	1,200	53.85%	639	1.88	32,888	28,888	28,250
CHPG2008	11/30/2020	55	1:1	285,110	38.29%	4,100	6,990	17.88%	1,895	3.69	32,100	28,000	28,250
CMSN2006	1/14/2021	100	5:1	346,520	32.25%	1,900	1,500	16.28%	1,065	1.41	65,500	56,000	58,000
CSTB2008	11/20/2020	45	1:1	239,220	45.51%	1,500	4,250	14.86%	4,072	1.04	11,700	10,200	14,200
CHPG2019	12/18/2020	73	2:1	570,010	38.29%	1,630	2,520	14.55%	2,380	1.06	27,360	24,100	28,250
CHPG2016	1/14/2021	100	2:1	402,980	38.29%	2,200	4,100	14.21%	1,404	2.92	31,900	27,500	28,250
CHPG2018	5/14/2021	220	4:1	831,890	38.29%	1,200	1,100	13.40%	740	1.49	34,799	29,999	28,250
CSTB2004	11/30/2020	55	1:1	285,260	45.51%	1,400	3,380	12.67%	3,345	1.01	12,400	11,000	14,200
CSTB2009	12/18/2020	73	1:1	241,830	45.51%	1,650	3,700	12.12%	3,507	1.06	12,550	10,900	14,200
CHPG2015	3/1/2021	146	1:1	112,910	38.29%	6,700	9,470	12.07%	3,890	2.43	33,200	26,500	28,250
CHPG2010	4/5/2021	181	4:1	342,480	38.29%	1,800	1,600	11.11%	401	3.99	40,300	33,100	28,250
CHPG2012	1/18/2021	104	1:1	183,830	38.29%	6,100	8,760	9.23%	3,423	2.56	32,600	26,500	28,250
CHPG2009	10/29/2020	23	2:1	109,080	38.29%	1,600	5,980	9.12%	2,912	2.05	25,700	22,500	28,250
CMWG2010	1/14/2021	100	10:1	167,130	42.06%	1,400	2,750	7.84%	2,542	1.08	96,000	82,000	105,200
CMWG2008	10/29/2020	23	10:1	250,370	42.06%	1,300	2,120	7.61%	2,053	1.03	98,000	85,000	105,200
CMBB2007	1/14/2021	100	2:1	430,440	36.61%	1,400	2,140	2.39%	962	2.22	19,800	17,000	17,850
CVRE2008	1/14/2021	100	10:1	452,770	44.60%	1,200	1,010	2.02%	874	1.16	30,800	26,000	27,500
CHDB2007	4/27/2021	203	5:1	293,600	40.41%	1,300	1,490	-1.97%	413	3.61	34,272	27,772	24,700
CVNM2004	11/30/2020	55	1:1	35,880	33.82%	17,500	17,890	-5.14%	2,130	8.40	113,048	95,548	107,000
CSBT2007	4/27/2021	203	2:1	441,320	41.67%	1,700	1,340	-9.46%	1,083	1.24	19,399	15,999	16,000
Tổng				6,205,570	39.63%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 6/10/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng mạnh.
- CSTB2005 và CSTB2010 tăng mạnh lần lượt là 33.33% và 19.41%. Trái lại, CVIC2005 và CVJC2006 giảm mạnh lần lượt là -11.76% và -10.48%. Giá trị giao dịch tăng 25.52%. CHPG2008 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.43% thị trường.
- CMWG2006, CVPB2006, CREE2004, CMWG2009, và CTCB2006 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2009, CSTB2008, và CDPM2002 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2007, CMWG2012, và CHPG2013 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	105.2	1.2%	1.3	2,071	4.9	8,348	12.6	3.3	49.0%	30.3%	
PNJ	Bán lẻ	61.1	-0.2%	1.3	598	1.2	4,629	13.2	2.9	49.0%	23.6%	
BVH	Bảo hiểm	48.7	1.4%	1.4	1,570	1.5	1,625	29.9	1.8	28.2%	6.7%	
PVI	Bảo hiểm	29.8	0.7%	0.3	290	0.0	2,651	11.2	0.9	54.4%	8.8%	
VIC	Bất động sản	91.8	-1.6%	0.8	13,500	2.1	2,336	39.3	3.7	13.8%	9.5%	
VRE	Bất động sản	27.5	0.4%	1.1	2,717	2.6	1,057	26.0	2.3	30.7%	8.9%	
VHM	Bất động sản	76.1	0.1%	1.3	10,884	5.0	6,686	11.4	3.7	22.0%	36.5%	
DXG	Bất động sản	11.4	4.1%	1.4	257	3.7	658	17.3	0.9	34.2%	2.9%	
SSI	Chứng khoán	18.2	-0.5%	1.3	474	4.1	1,718	10.6	1.1	50.0%	10.7%	
VCI	Chứng khoán	32.0	-0.6%	1.0	230	1.6	4,110	7.8	1.4	28.5%	18.7%	
HCM	Chứng khoán	22.0	-1.3%	1.7	292	3.6	1,608	13.7	1.6	49.2%	11.5%	
FPT	Công nghệ	50.5	0.0%	0.8	1,721	3.3	4,280	11.8	2.6	49.0%	23.6%	
FOX	Công nghệ	48.6	-0.2%	0.4	578	0.0	4,812	10.1	2.6	0.0%	28.3%	
GAS	Dầu khí	72.5	0.0%	1.4	6,033	2.4	5,169	14.0	2.6	3.1%	20.5%	
PLX	Dầu khí	50.2	0.0%	1.5	2,660	0.5	867	57.9	3.0	16.1%	5.1%	
PVS	Dầu khí	14.2	0.0%	1.5	295	3.0	1,339	10.6	0.5	10.0%	5.2%	
BSR	Dầu khí	7.3	0.0%	0.8	984	1.2	898	8.1	0.7	41.1%	8.5%	
DHG	Dược	104.8	0.7%	0.5	596	0.0	5,044	20.8	4.3	54.8%	21.2%	
DPM	Hóa chất	17.2	-0.9%	0.4	292	1.5	1,700	10.1	0.8	12.3%	8.9%	
DCM	Hóa chất	12.0	-0.8%	0.5	276	1.1	709	16.9	1.0	2.1%	5.8%	
VCB	Ngân hàng	83.9	0.5%	1.1	13,529	4.0	4,915	17.1	3.5	23.6%	22.0%	
BID	Ngân hàng	40.5	0.1%	1.3	7,074	2.7	2,132	19.0	2.1	17.5%	12.3%	
CTG	Ngân hàng	27.2	-1.1%	1.2	4,403	7.0	2,995	9.1	1.3	30.0%	14.6%	
VPB	Ngân hàng	24.2	-0.2%	1.2	2,560	6.4	4,126	5.9	1.2	23.4%	23.5%	
MBB	Ngân hàng	17.9	0.8%	1.0	2,152	5.5	3,041	5.9	1.1	23.0%	20.7%	
ACB	Ngân hàng	24.0	1.7%	0.9	2,256	11.4	2,884	8.3	1.7	39.0%	22.6%	
BMP	Nhựa	61.4	-0.8%	0.9	219	0.9	5,781	10.6	2.1	82.2%	19.5%	
NTP	Nhựa	33.5	-0.6%	0.4	172	0.0	3,348	10.0	1.6	19.0%	16.0%	
MSR	Tài nguyên	16.0	0.0%	0.3	688	0.1	356	44.9	1.3	1.9%	2.9%	
HPG	Thép	28.3	3.3%	1.2	4,070	28.5	2,632	10.7	1.8	33.9%	18.1%	
HSG	Thép	15.8	1.9%	1.5	304	6.1	1,767	8.9	1.1	10.1%	13.6%	
VNM	Tiêu dùng	107.0	-0.3%	0.8	9,721	9.5	4,615	23.2	7.4	58.3%	33.0%	
SAB	Tiêu dùng	186.3	1.0%	0.8	5,194	0.4	6,328	29.4	6.5	63.1%	23.7%	
MSN	Tiêu dùng	58.0	3.6%	1.0	2,962	11.0	3,255	17.8	2.9	38.1%	13.9%	
SBT	Tiêu dùng	16.0	-1.2%	0.8	408	2.4	561	28.5	1.3	5.6%	5.1%	
ACV	Vận tải	65.1	-1.2%	0.8	6,162	0.8	3,450	18.9	3.9	3.3%	22.3%	
VJC	Vận tải	104.5	-0.3%	1.1	2,380	1.9	3,480	30.0	3.7	17.6%	12.3%	
HVN	Vận tải	26.9	-0.7%	1.7	1,659	0.6	(3,871)	N/A	N/A	9.2%	-38.6%	
GMD	Vận tải	24.7	-1.2%	0.9	319	0.6	1,381	17.9	1.2	49.0%	6.8%	
PVT	Vận tải	14.4	-1.7%	1.2	176	1.9	2,076	6.9	0.9	19.9%	13.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	77.2	-0.9%	1.0	521	1.0	8,104	9.5	3.6	2.9%	40.8%	
VGC	Vật liệu xây dựng	23.0	0.0%	0.8	448	0.3	1,363	16.9	1.6	7.7%	9.3%	
HT1	Vật liệu xây dựng	16.8	-2.0%	0.9	279	1.0	1,937	8.7	1.2	6.0%	13.5%	
CTD	Xây dựng	64.5	-3.7%	1.1	214	8.1	8,453	7.6	0.6	46.7%	7.9%	
CII	Xây dựng	19.0	0.0%	0.3	197	1.3	1,562	12.2	0.9	34.5%	7.6%	
REE	Điện	41.7	-0.6%	-1.4	562	1.0	4,780	8.7	1.2	49.0%	14.8%	
PC1	Điện	22.8	-0.2%	-0.4	158	0.2	2,176	10.5	1.0	14.7%	9.9%	
POW	Điện	10.8	-1.4%	0.6	1,095	3.0	933	11.5	0.9	10.5%	8.1%	
NT2	Điện	23.6	0.2%	0.6	295	0.3	2,685	8.8	1.5	19.0%	18.0%	
KBC	Khu công nghiệp	15.0	4.5%	0.8	306	3.8	1,156	13.0	0.7	18.7%	5.8%	
BCM	Khu công nghiệp	40.3	0%	1.0	1,814	0.0	#N/A	N/A	N/A	2.8	1.8%	#VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HPG	28.25	3.29	0.84	23.61MLN
MSN	58.00	3.57	0.66	4.40MLN
VCB	83.90	0.48	0.42	1.11MLN
SAB	186.30	0.98	0.32	55370
STB	14.20	3.65	0.26	27.11MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-1.42	521190	1.11MLN
CTG	0.00	-0.31	5.91MLN	607060
LGC	-0.01	-0.23	220.00	373600
TCB	0.00	-0.15	6.85MLN	192700
VNM	0.00	-0.15	2.04MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MCP	35.20	6.99	0.01	610.00
QBS	2.46	6.96	0.00	286770
DAT	30.05	6.94	0.03	3270
OGC	7.56	6.93	0.04	3.25MLN
ITA	4.94	6.93	0.08	31.90MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ASG	46.60	-6.99	-0.06	24970
SMA	9.86	-6.98	0.00	5520
TIX	28.85	-6.94	-0.02	30.00
DTL	7.82	-6.90	-0.01	2750
LGC	58.20	-6.88	-0.23	220

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	24.00	1.69	0.85	10.97MLN
NVB	9.50	2.15	0.08	4.76MLN
OCH	8.60	7.50	0.06	18100
IDC	24.60	2.50	0.04	243500.00
VIX	14.10	2.17	0.03	990100

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	15.40	-1.28	-0.29	2.90MLN
SHN	8.50	-5.56	-0.06	6000
HUT	2.80	-3.45	-0.03	2.88MLN
VCS	77.20	-0.90	-0.02	304100
INN	30.00	-4.76	-0.02	3700

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

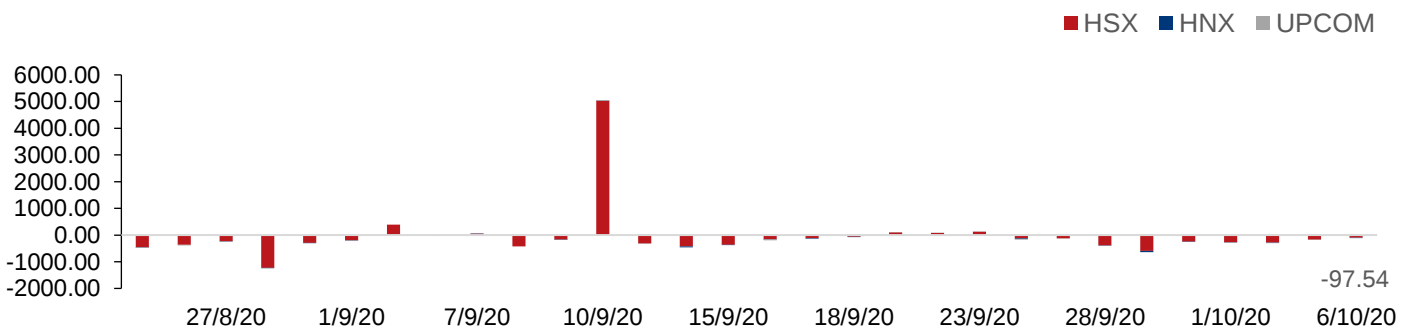
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	1.10	10.0	0.01	1.02MLN
FID	1.10	10.0	0.00	9100
VGP	26.60	9.9	0.02	3700
BPC	12.30	9.8	0.00	100
POT	15.70	9.0	0.01	700.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PPP	12.10	-9.70	0.00	4100
VE4	5.80	-9.38	0.00	25200
SD4	4.30	-8.51	0.00	2000
ADC	14.10	-8.44	0.00	100
MAS	36.00	-7.93	-0.01	100

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	105.2	8,348	12.6	3.3	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.3	885	9.4	0.7	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	45.2	5,512	8.2	1.6	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.9	1,944	12.8	1.8	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	28.3	2,632	10.7	1.8	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	26.4	3,024	8.7	1.4	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	24.2	4,126	5.9	1.2	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	47.3	9,998	4.7	1.3	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	58.0	3,255	17.8	2.9	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	42.5	4,670	9.1	1.7	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	15.8	1,767	8.9	1.1	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	43.9	5,479	8.0	2.2	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	27.6	2,103	13.1	2.3	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	28.3	2,632	10.7	1.8	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	22.4	3,103	7.2	1.2	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	61.1	4,629	13.2	2.9	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	107.1	4,105	26.1	9.2	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	11.4	658	17.3	0.9	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	23.2	1,721	13.5	1.3	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	25.8	7,583	3.4	1.4	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	28.9	5,224	5.5	1.3	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	53.8	4,739	11.4	2.3	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	83.9	4,915	17.1	3.5	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	24.0	2,884	8.3	1.7	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	45.2	5,512	8.2	1.6	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	58.7	5,872	10.0	2.7	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	50.5	4,280	11.8	2.6	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	24.7	1,381	17.9	1.2	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	15.0	1,156	13.0	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	186.3	6,328	29.4	6.5	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.9	1,944	12.8	1.8	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	107.0	4,615	23.2	7.4	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	12.6	1,407	8.9	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	105.2	8,348	12.6	3.3	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	20.6	2,088	9.9	1.4	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	104.8	5,044	20.8	4.3	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	14.4	2,076	6.9	0.9	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	61.1	4,629	13.2	2.9	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	34.6	4,313	8.0	1.6	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	209.5	14,782	14.2	5.8	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
2	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
3	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
4	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
7	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
9	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
11	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
12	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
14	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
15	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
16	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
17	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
19	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
20	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
21	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
22	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
23	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
24	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
26	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
27	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
28	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
29	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
31	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
32	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
34	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
36	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
38	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 02.2019	x		Click
40	Vĩ Mô&Thị Trường 2019M1	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
SAB 2020Q3	17/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 193300; Giá tại Publish 188200 Định giá: BSC khuyến nghị THEO DÕI SAB với giá mục tiêu là 193,300 đồng/cp, upside 2.7% so với giá ngày 15/9/2020 dựa trên 2 phương pháp DCF và PE với mức PE mục tiêu là 29x (tăng so với PE mục tiêu là 24x). Chúng tôi nâng định giá PE với kỳ vọng Sabeco phục hồi
PNJ 2020Q3	7/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 65000; Giá tại Publish 60000 Dự báo KQKD: BSC dự báo DTT và LNST của PNJ FY2020E lần lượt là 15,874 tỷ đồng (-6.6% Y/Y) và 881 tỷ đồng (-25.9% Y/Y) tương đương EPS fw 2020E là 3,877 VND/CP (đã trừ QKTPL), PE fw = 15.6x và PB fw = 2.7x. LNST giảm -25.9% YoY so với báo cáo trước là -11.8% YoY do thay đổi giá định
VNM 2020Q3	27/8/20	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 122100; Giá tại Publish 118000 Dự báo KQKD: BSC điều chỉnh dự báo KQKD 2020 của VNM với DTT và LNST đạt lần lượt là 60,386 tỷ đồng (+7.2% YoY) và 11,300 tỷ đồng (+6.8% YoY), tương đương EPS fw là 6,043đ , PE fw là 19.3x , PB fw là 5.9x. Thay đổi dự phóng LNST tăng +6.8% so với báo cáo trước (+4.6% YoY) do giả định về tăng biên gộp, giảm chi phí SGA/DTT và tăng doanh thu tài chính.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639